

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2026

“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sao Hôm.

2. Ông Phạm Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần UBND phường K, thành phố Hải Phòng xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2026/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 2 năm 2026 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXX - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị L, sinh ngày 14/06/1976. Số Căn cước công dân: 030176002634, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 22/12/2021, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh ngày 12/04/1970. Số Căn cước công dân: 030070020657, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày: 13/08/2021, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản tự khai và biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị L trình bày:

Chị Đào Thị L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 04/10/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hòa thuận được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã.. Anh L1 không tôn trọng chị mà thường có lời nói xúc phạm, làm tổn thương chị. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng kể từ khi chị bị ốm đau, anh L1 không chia sẻ mà còn đuổi chị ra khỏi nhà. Do không thể tiếp tục chung sống, từ tháng 1/2026 chị và anh L1 sống ly thân, mỗi người một nơi chấm dứt về tình cảm. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L1.

- Về con chung: Chị và anh L1 có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 11/07/1994 và Nguyễn Hồng P, sinh ngày 17/3/1998. Các con chung của chị L, anh L1 đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống. Chị Uyên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn L1, tuy nhiên anh L1 đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh L1 thì được bà Phạm Thị D - Tổ trưởng Tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng cung cấp:

Bà Đào Thị L và ông Nguyễn Văn L1 kết hôn và sinh sống tại tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng. Quá trình chị L, anh L1 chung sống đã xảy ra mâu thuẫn và xảy ra va chạm, cãi vã lẫn nhau. Anh L1 có biểu hiện ghen tuông, dẫn đến có lời lẽ chửi bới bà L. Bà L thường phải bỏ nhà đi đến nhà con trai ở Hà Nội. Hai gia đình hai bên và tổ dân phố đã hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân, hiện bà L đang ở Hà Nội cùng con trai, còn ông L1 đang ở Tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng. Về con chung: Bà L và ông L1 có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 11/07/1994; Nguyễn Hồng P, sinh ngày 17/3/1998. Các con chung của Chị L, anh L1 đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Bà Đào Thị L có mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn Ông Nguyễn Văn L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng pháp Luật Tố tụng dân sự theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L: Xử cho bà Đào Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1. Về con chung: Bà L, ông L1 có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 11/07/1994; Nguyễn Hồng P, sinh ngày 17/3/1998. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà L và ông L1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; Về án phí: Nguyên đơn bà Đào Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là ông L1 cư trú tại tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng. Bà L có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đào Thị L và ông Nguyễn Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 04/10/1993 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy: Về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn và thời điểm chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng giữa Bà L và Ông L1 phù hợp lời khai của cả hai bên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập, thể hiện: Trong quá trình chung sống, bà L và ông L1 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự thương yêu, quý trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ: Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh L1 kéo dài, mỗi người một nơi chấm dứt về mặt tình cảm từ nhiều năm, đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải đoàn tụ được với nhau. Nguyên đơn bà L, xác định tình cảm giữa chị và anh L1 không còn nên bà vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông L1. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh L1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà L, xử cho bà L được ly hôn ông L1 là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà L và ông L1 có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 11/07/1994; Nguyễn Hồng P, sinh ngày 17/3/1998. Các con chung, chị L, anh L1 đều đã trưởng thành, đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà L và ông L1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Căn cứ:** Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ:** Điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Đào Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

- *Về con chung:* Bà Đào Thị L và Ông Nguyễn Văn L1 có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 11/07/1994; Nguyễn Hồng P, sinh ngày 17/3/1998. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

2. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L, anh L1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

3. Về án phí: Bà Đào Thị L phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0001723 ngày 04/2/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà L đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án DS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Nhị Chiểu, T.P Hải Phòng (theo GCNKH ngày 04/10/1993);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh